

BÀI 20: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. Định hướng bài học:

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ

*** Học sinh đọc SGK mục I, sử dụng hình 20.1, tập bản đồ trang 18,19**

(trang 71 sgk Địa Lí 9): - Quan sát hình 20.1 (SGK trang 72), hãy xác định:

- Ranh giới giữa Đồng bằng sông Hồng với các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- Vị trí các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ.

Trả lời:

Dựa vào lược đồ (Hình 20.1) hoặc tập bản đồ trang 18,19 để xác định:

- Ranh giới giữa Đồng bằng sông Hồng với các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- Các đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ .

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

*** Học sinh đọc SGK mục II, sử dụng hình 20.1, tập bản đồ trang 18,19**

(trang 71 sgk Địa Lí 9): - Dựa vào hình 20.1 (SGK trang 72) và kiến thức đã học, nêu ý nghĩa của sông Hồng đối với sự phát triển nông nghiệp và đời sống dân cư.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trả lời:

- Bồi đắp phù sa, mở rộng diện tích về phía vịnh Bắc Bộ.
- Cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống
- Khai thác và nuôi trồng thủy sản.
- Do đặc điểm về thủy chế sông Hồng nên phải có hệ thống đê điều ven sông vững chắc để bảo vệ sản xuất, tính mạng và tài sản của nhân dân.

(trang 72 sgk Địa Lí 9): - Quan sát hình 20.1 (SGK trang 72), hãy kể tên và nêu sự phân bố các loại đất ở Đồng bằng sông Hồng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trả lời:

- Đất phù sa: chiếm phần lớn diện tích của đồng bằng.
- Đất lầy thụt: tập trung thành một vùng ở phía tây nam đồng bằng (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình) và tỉnh Bắc Ninh.

- Đất mặn, phèn: phân bố thành một dải ven biển từ Hải Phòng đến Ninh Bình.
- Đất feralit: nằm ở rìa phía tây bắc và tây nam của đồng bằng.
- Đất xám trên phù sa cổ: ở tây bắc đồng bằng. (Vĩnh Phúc, Hà Nội).

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI

*** Học sinh đọc SGK mục III, sử dụng hình 20.2, bảng 20.1**

(trang 73 sgk Địa Lí 9): - Dựa vào hình 20.2 (SGK trang 73), cho biết mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng gấp bao nhiêu lần mật độ trung bình của cả nước, của các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên?

.....

.....

.....

.....

Trả lời:

-Mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng gấp 4,9 lần mật độ trung bình của cả nước , gấp 10,3 lần mật độ trung bình của Trung du và miền núi Bắc Bộ; gấp 14,5 lần mật độ trung bình của Tây Nguyên.

(trang 73 sgk Địa Lí 9): - Mật độ dân số cao ở Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế - xã hội?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trả lời:

- Thuận lợi:

+ Nguồn lao động dồi dào.

+ Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

+ Người dân ở đây có trình độ thâm canh lúa nước, giỏi nghề thủ công, tỉ lệ lao động qua đào tạo tương đối cao; đội ngũ trí thức, kĩ thuật và công nghệ đông đảo.

- Khó khăn:

+ Bình quân đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) hiện ở mức thấp nhất trong cả nước.

+ Tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn mức trung bình toàn quốc.

+ Nhu cầu lớn về việc làm, y tế, văn hoá, giáo dục ngày càng cao, đòi hỏi đầu tư lớn.

(trang 74 sgk Địa Lí 9): - Quan sát bảng 20.1 (SGK trang 73), nhận xét tình hình dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng so với cả nước.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Trả lời:

BÀI 21: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG (TIẾP THEO)

I. Định hướng bài học:

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. CÔNG NGHIỆP

*** Học sinh đọc SGK mục IV(phần 1), sử dụng hình 21.1,21.2**

(trang 76 sgk Địa Lí 9): - Căn cứ vào hình 21.1 (SGK trang 76), hãy nhận xét sự chuyển biến về tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng ở Đồng bằng sông Hồng.

.....
.....
.....

Trả lời:

Tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng tăng từ 26,6% năm 1995 lên 36% năm 2002 tăng 9,4%.

(trang 77 sgk Địa Lí 9): - Dựa vào hình 21.2 (SGK trang 76), em hãy cho biết địa bàn phân bố của các ngành công nghiệp trọng điểm.

.....
.....
.....
.....
.....

Trả lời:

- Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Yên, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Yên, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình.

- Công nghiệp cơ khí: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Yên, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

2. NÔNG NGHIỆP

*** Học sinh đọc SGK mục IV(phần 2), sử dụng bảng 21.1**

(trang 77 sgk Địa Lí 9): - Dựa vào bảng 21.1 (SGK trang 77), hãy so sánh năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

.....
.....
.....
.....
.....

Trả lời:

- Trong giai đoạn 1995 — 2002:

+ Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng ,Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước đều tăng.

+Năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng luôn cao hơn cả nước và cao nhất cả nước

(trang 78 sgk Địa Lí 9): - Nêu lợi ích kinh tế của việc đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính ở Đồng bằng sông Hồng.

.....
.....
.....
Trả lời:

Cây trồng trong vụ đông; ngô đông, khoai tây, su hào...

Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân...

(trang 79 sgk Địa Lí 9): Sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng có tầm quan trọng như thế nào?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Trả lời:

Tầm quan trọng của sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Hồng:

- + Cung cấp lương thực cho nhân dân.
- + Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi và nguồn hàng cho xuất khẩu.
- + Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
- + Đảm bảo an ninh lương thực còn là cơ sở để đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp

3.DỊCH VỤ

*** Học sinh đọc SGK mục IV(phần 3), sử dụng hình 21.2, tập bản đồ trang 17, 20,21**

- Dựa trên hình 21.2 (SGK trang 76) và sự hiểu biết, hãy xác định vị trí và nêu ý nghĩa kinh tế - xã hội của cảng Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài.

.....
.....

Trả lời:

Cảng Hải Phòng và sân bay quốc tế Nội Bài có vai trò đặc biệt quan trọng trong vận tải hàng hoá và hành khách.

(trang 79 sgk Địa Lí 9): Chứng minh rằng Đồng bằng sông Hồng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:
Lớp:
Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Mục IV, V,....	1. 2. 3.

Bài 22: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Trả lời:

a) - Thuận lợi:

+ Phần lớn diện tích đồng bằng là đất phù sa không được bồi đắp hàng năm (đất trong đê), thuận lợi cho việc phát triển cây lương thực.

+ Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nên có thể trồng cây nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới. Có khả năng thâm canh, xen canh, tăng vụ, và đưa vụ đông lên thành vụ chính.

+ Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình cùng các nhánh của chúng là nguồn cung cấp nước thường xuyên cho hoạt động nông nghiệp.

+ Nguồn lao động dồi dào, người dân có truyền thống và kinh nghiệm thâm canh lúa nước.

+ Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất trong cả nước.

+ Thị trường tiêu thụ lớn.

- Khó khăn:

+ Một số nơi đất đã bị bạc màu.

+ Thiếu nước trong mùa khô.

+ Chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán...

b) Vai trò của vụ ngô đông: Ngô đông có năng suất cao, ổn định, diện tích đang mở rộng chính là nguồn lương thực, nguồn thức ăn gia súc quan trọng

c) Tỷ lệ gia tăng dân số ở đồng bằng sông Hồng giảm mạnh là do việc triển khai chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình có hiệu quả. Do đó, cùng với phát triển nông nghiệp, bình quân lương thực bằng 400kg/người. Đồng bằng sông Hồng đã bắt đầu tìm kiếm thị trường xuất khẩu một phần lương thực.

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Mục 1, 2,.....	1. 2. 3.